TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-05-2019.
"V/v tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng và bà Trần Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2019, về việc "*Tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung*"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đoàn Thị B, sinh năm 1981.
Trú tại: Khu phố 4, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đ.
- **Bị đơn:** Anh Lưu Hoài N, sinh năm 1975.
Trú tại: khu phố 3,thị trấn T, huyện B, tỉnh Đ.

(Chị B có mặt, anh N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị B trình bày:

Chị B và anh Lưu Hoài N đã ly hôn với nhau vào năm 2013 theo Quyết định số 105/2013/QĐST-HNGĐ ngày 13/06/2013 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Về con chung, chị B trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lưu Đoàn Minh C, sinh ngày 11/05/2004 và Lưu Đoàn Minh P, sinh ngày 01/02/2012. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho mỗi người con là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ ngày 13/6/2013 cho đến khi hai cháu C và P tròn 18 tuổi. Do anh Lưu Hoài N có đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và chị B, anh N đã thỏa thuận được với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con nên tại Quyết định số

66/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/03/2016 đã Quyết định anh N cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 22/03/2016 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Ngày 05/03/2019, chị Đoàn Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể yêu cầu anh Lưu Hoài N cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 3.000.000đ(ba triệu đồng/01 người con/01 tháng). Vì lý do điều kiện sức khỏe yếu, không đi làm được nhiều. Nhu cầu học tập, chi phí sinh hoạt của các con ngày càng cao nên chị gặp khó khăn về vật chất trong việc chăm sóc con chung.

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Lưu Hoài N có đơn xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, anh đã nộp cho Tòa án bảng lương thu nhập hàng tháng và có bản trình bày, cụ thể : Khi ly hôn anh để lại tài sản gồm 02 thửa đất cho chị B và hiện chị B cho thuê giá mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) và trị giá tài sản hiện nay là 10 tỷ đồng. Hiện tại thu nhập hàng tháng của anh N là 7.256.634 đồng(bảy triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm ba mươi bốn đồng)/tháng, nếu theo yêu cầu của chị B về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) thì số tiền còn lại hơn 1.200.000đ không đảm bảo chi phí sinh hoạt cho bản thân anh. Nên anh đề nghị căn cứ vào thu nhập của anh để xác định số tiền cấp dưỡng nuôi con sao cho hợp lý. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị B.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành đúng quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án: Để đảm bảo nhu cầu học tập và các nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt hàng ngày của hai cháu C và P, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị B, cụ thể là thay đổi mức cấp dưỡng của anh N đối với hai cháu Châu và Phương là 2.000.000đ(hai triệu đồng)/tháng/01 người con tính từ ngày tuyên án đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về án phí : Anh N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 12; Điều 15; Điều 16 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đoàn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/3/2019, chị Đoàn Thị B nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Xét về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại Quyết định số 66/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/03/2016 đã Quyết định anh Lưu Hoài N cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 22/03/2016 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Ngày 05/03/2019, chị Đoàn Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể yêu cầu anh Lưu Hoài N cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng/01 người con/01 tháng). Vì lý do điều kiện sức khỏe yếu, không đi làm được nhiều. Nhu cầu học tập, chi phí sinh hoạt hàng ngày của các con ngày càng cao nên chị B gặp khó khăn về vật chất trong việc chăm sóc con chung. Tại phiên tòa chị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không bổ sung gì thêm.

Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của hai cháu C và P thì thấy: Nhu cầu về việc học tập, chi phí sinh hoạt của hai cháu C và P ngày càng cao nên mức cấp dưỡng tại Quyết định số 66/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/03/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho mỗi người con thì không đáp ứng được nhu cầu về việc học tập và những nhu cầu thiết yếu khác của 02 cháu C và P. Xét thấy mức thu nhập hàng tháng của anh Lưu Hoài N là 7.256.634 đ/tháng nên cần trích thu nhập hàng tháng của anh N cho việc cấp dưỡng nuôi con chung để đáp ứng nhu cầu về học tập, sinh hoạt của hai cháu C và P. Việc chị B yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) so với mức thu nhập của anh N thì không phù hợp nên cần chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị B. Buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Anh N phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị B theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 12; Điều 15; Điều 16 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật, không vi phạm thời hạn giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần; bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Về hướng giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị B về việc "Tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung". Buộc anh Lưu Hoài N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đối với hai cháu Lưu Đoàn Minh C, sinh ngày 11/5/2004 và Lưu Đoàn Minh P, sinh ngày 01/02/2012 kể từ ngày tuyên án cho đến khi hai cháu Châu và Phương tròn 18 tuổi.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi chị B có đơn yêu cầu thi hành án mà anh N chưa thanh toán số tiền nêu trên thì anh N còn phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lưu Hoài N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Đoàn Thị B.

3. Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đ/s
- TAND tỉnh
- VKS huyện
- Chi cục THADS huyện.
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Triều Châu